UBND TỈNH THÁI BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2020

Hệ đào tạo: Đại học
Loại đào tạo: Chính quy
Ngành: Tài chính ngân hàng
Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Ghi chú
Học kỳ 1				**17**			
Học phần bắt buộc				**17**			
1	000388	Giáo dục quốc phòng – An ninh	0101000388	8(5,3,13)	75	90	
2	000436	Giáo dục thể chất 1	0101000436	1(0,1,1)	0	30	
3	000626	Kinh tế vĩ mô	0101000626	3(3,0,6)	45	0	
4	000994	Pháp luật đại cương	0101000994	2(2,0,4)	30	0	
5	001489	Tiếng Anh cơ bản 1	0101001489	3(3,0,6)	45	0	
6	001558	Tin học đại cương	0101001558	3(2,1,5)	30	30	
7	001603	Toán cao cấp 1	0101001603	3(3,0,6)	45	0	
8	002321	Triết học Mác - Lênin	0101002321	3(3,0,6)	45	0	
Học kỳ 2				**17**			
Học phần bắt buộc				**17**			
1	000447	Giáo dục thể chất 2	0101000447	1(0,1,1)	0	30	
2	000619	Kinh tế vi mô	0101000619	3(3,0,6)	45	0	
3	001058	Quản trị học	0101001058	2(2,0,4)	30	0	
4	001131	Tâm lý học đại cương	0101001131	2(2,0,4)	30	0	
5	001508	Tiếng Anh cơ bản 2	0101001508	4(4,0,8)	60	0	
6	001620	Toán cao cấp 2	0101001620	2(2,0,4)	30	0	
7	002322	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	0101002322	2(2,0,4)	30	0	
8	002323	Chủ nghĩa xã hội khoa học	0101002323	2(2,0,4)	30	0	
Học kỳ 3				**17**			
Học phần bắt buộc				**15**			
1	000460	Giáo dục thể chất 3	0101000460	1(0,1,1)	0	30	
2	000753	Luật kinh tế	0101000753	2(2,0,4)	30	0	
3	000787	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	0101000787	3(3,0,6)	45	0	
4	000886	Nguyên lý kế toán	0101000886	3(3,0,6)	45	0	
5	001701	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101001701	2(2,0,4)	30	0	
6	002198	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	0101002198	3(3,0,6)	45	0	
7	002324	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	0101002324	2(2,0,4)	30	0	
Học phần tự chọn				**2**			
1	001213	Thống kê doanh nghiệp	0101001213	2(2,0,4)	30	0	
2	002003	Kinh tế phát triển	0101002003	2(2,0,4)	30	0	
3	002196	Mô hình toán kinh tế	0101002196	2(2,0,4)	30	0	
Học kỳ 4				**16**			
Học phần bắt buộc				**12**			
1	000606	Kinh tế lượng	0101000606	3(3,0,6)	45	0	
2	002197	Toán tài chính	0101002197	3(3,0,6)	45	0	
3	002199	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2	0101002199	3(3,0,6)	45	0	
4	002207	Bảo hiểm 1	0101002207	3(3,0,6)	45	0	
Học phần tự chọn				**4**			
1	000550	Kế toán tài chính	0101000550	2(2,0,4)	30	0	
2	000603	Kiểm toán căn bản	0101000603	2(2,0,4)	30	0	
3	000807	Marketing căn bản	0101000807	2(2,0,4)	30	0	
4	001850	Phân tích báo cáo tài chính	0101001850	2(2,0,4)	30	0	
5	002020	Kinh tế đầu tư	0101002020	2(2,0,4)	30	0	
Học kỳ 5				**17**			
Học phần bắt buộc				**15**			
1	002183	tài chính doanh nghiệp I	0101002183	3(3,0,6)	45	0	
2	002185	Tài chính công	0101002185	3(3,0,6)	45	0	
3	002200	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	0101002200	3(3,0,6)	45	0	
4	002202	Tài chính quốc tế 1	0101002202	3(3,0,6)	45	0	
5	002407	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính	0101002407	3(3,0,6)	45	0	
Học phần tự chọn				**2**			

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Ghi chú
1	001448	Thuế	0101001448	2(2,0,4)	30	0	
2	002204	Thẩm định dự án đầu tư	0101002204	2(2,0,0)	30	0	
Học kỳ 6				**17**			
Học phần bắt buộc				**13**			
1	002184	tài chính doanh nghiệp 2	0101002184	3(3,0,6)	45	0	
2	002188	Kế toán Ngân hàng	0101002188	4(4,0,8)	60	0	
3	002201	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	0101002201	3(3,0,6)	45	0	
4	002205	Thị trường chứng khoán 1	0101002205	3(3,0,6)	45	0	
Học phần tự chọn				**4**			
1	002208	Bảo hiểm 2	0101002208	2(2,0,4)	30	0	
2	002210	Ngân hàng trung ương	0101002210	2(2,0,4)	30	0	
3	002374	Ngân hàng quốc tế	0101002374	2(2,0,0)	30	0	
Học kỳ 7				**14**			
Học phần bắt buộc				**12**			
1	001139	Thanh toán quốc tế	0101001139	3(3,0,6)	45	0	
2	002189	Quản trị rủi ro Tài chính	0101002189	3(3,0,6)	45	0	
3	002203	Tài chính quốc tế 2	0101002203	3(3,0,0)	45	0	
4	002209	Maketting ngân hàng	0101002209	3(3,0,6)	45	0	
Học phần tự chọn				**2**			
1	002187	Quản trị Ngân hàng Thương mại	0101002187	2(2,0,4)	30	0	
2	002206	Thị trường chứng khoán 2	0101002206	2(2,0,4)	30	0	
Học kỳ 8				**12**			
Học phần bắt buộc				**5**			
1	001419	Thực tập tốt nghiệp	0101001419	5(0,5,5)	0	150	
Học phần tự chọn				**7**			
1	000590	Khóa luận tốt nghiệp	0101000590	7(0,7,7)	0	210	
2	002190	Tín dụng Ngân hàng	0101002190	2(2,0,4)	30	0	
3	002408	Pháp luật tài chính ngân hàng	0101002408	3(3,0,6)	45	0	
4	002409	Nghiệp vụ Ngân hàng hiện đại	0101002409	2(2,0,4)	30	0	

PHÒNG ĐÀO TẠO